TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2017/DS-PT
Ngày: 15 – 11 – 2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Son.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Ông Nguyễn Văn Tòng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Thị Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2017/TLPT –DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2017/QĐPT-DS ngày 12/10/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – Luật sư Trần Thanh Kh, sinh năm 1967; Văn phòng Luật sư Trần Thanh Kh – Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Nh, sinh năm 1958;

2. Ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1951;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 178, ấp H, xã A, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà Phạm Thị Xuân Th, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: số 35/10A, khu phố N, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: khu phố HT, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1953. Địa chỉ cư trú: Số 96, đường NVR, khu phố 1, phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2017). Có mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị E.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị E trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị E, bà Phạm Thị Xuân Th và bà Huỳnh Thị Thanh Nh có quan hệ làm ăn mua bán gạo với nhau. Tính đến trước ngày 15 tháng 7 năm 2016 bà Phạm Thị Xuân Th và bà Huỳnh Thị Thanh Nh còn nợ bà E số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Ngày 15 tháng 7 năm 2016 bà E, bà Nh, bà Th ký văn bản là "Hợp đồng nguyên tắc" về việc mua bán gạo, tấm. Theo Hợp đồng này thì bà E cung cấp khối lượng hàng là 10.000 tấn gạo/năm cho bà Phạm Thị Xuân Th và bà Huỳnh Thị Thanh Nh, đơn giá tùy từng thời điểm đặt hàng, đồng thời trong Hợp đồng cũng ghi nhận số tiền nợ trước đó là 900.000.000 đồng bà Nh, bà Th hàng tháng phải trả 50.000.000 đồng, đối với lượng hàng mới giao bà Nh, bà Th phải thanh toán tiền 100% ngay khi nhận hàng. Nếu bà Nh, bà Th từ chối nhận hàng thì phải thanh toán hết số nợ trong vòng 10 ngày, nếu chậm thanh toán thì phải chịu lãi chậm trả thanh toán theo lãi suất cơ bản do Nhà nước quy định trên số tiền và thời gian chậm trả. Thực hiện hợp đồng nguyên tắc trên bà E giao gạo, tấm cho bà Th, bà Nh. Bà Th, bà Nh tiếp tục nợ thêm số tiền 239.200.000 (hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng, không trả hàng tháng 50.000.000 đồng. Ngày 29 tháng 7 năm 2016 bà Nh và chồng bà Nh là ông Huỳnh Văn X có làm văn bản "Giấy thỏa Thận" xác nhận số tiền nợ mua gạo lần 2 là 239.200.000 (hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng và có đưa bà E giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K922869 do UBND huyện Trảng Bàng cấp cho ông Huỳnh Văn X ngày 30/9/1997 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nợ lần hai này. Kể từ ngày

29 tháng 7 năm 2016 bà Nh nhiều lần yêu cầu các đồng bị đơn trả nợ nhưng các đồng bị đơn không trả số tiền nào cả. Lỗi của bà Nh, bà Th là không thực hiện cam kết thanh toán tiền nợ như thỏa Thận. Nay bà E khởi kiện yêu cầu bà Nh, ông X, bà Th có trách nhiệm liên đới trả cho bà E số tiền nợ gốc là 1.139.200.000 (Một tỷ một trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tính từ ngày 29/7/2016 đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn bà Phạm Thị Xuân Th trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn là bà E về tiền còn nợ bà E là 1.139.200.000 (Một tỷ một trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng. Từ năm 2016 bà có mua gạo, tấm của bà Nguyễn Thị E còn nợ lại số tiền 900.000.000 đồng như lời trình bày là đúng. Tuy nhiên đây là nợ riêng của bà không phải là nợ chung của bà và bà Nh vì trước đó giữa bà và bà Nh không có làm ăn mua bán chung. Ngày 15 tháng 7 năm 2016 bà và bà Nh ký hợp đồng nguyên tắc với bà Nguyễn Thị E, lý do bà E hứa bán số lượng hàng lớn phải có hai người mới đồng ý ký hợp đồng nên bà và bà Nh mới thực hiện. Trước đây bà Nh cũng có thời gian mua gạo của bà E nhưng với số lượng nhỏ, thực tế việc mua gạo của bà E chỉ do một mình bà thực hiện, khi có lời bà sẽ chia cho bà Nh một ít nhưng do thua lỗ nên bà Nh không được chia số tiền nào cả. Thực hiện hợp đồng bà E đã giao cho bà khoảng 600 tấn gạo trong thời gian 04 tháng từ tháng 08 đến tháng 11 năm 2016 giao hàng nhiều lần, nhưng do bà E không thực hiện đúng cam kết là giảm giá gạo khi giá thị trường giảm nhưng bà E vẫn giữ giá cố định là 9.130 đồng/kg, trong khi bà bán lại chỉ với giá 8.000 đồng/kg đến 8.400 đồng/kg nên Tha lỗ bà tiếp tục nợ của bà E thêm số tiền 239.200.000 (hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng. Do bà E không giảm giá khi giá thị trường giảm nên bà không mua gạo của bà E nữa. Giá gạo thị trường là giá do các thương lái tự đặt ra không có niêm yết tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngày 29 tháng 7 năm 2016 bà E có nói bà còn nợ nhiều nên để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bà E yêu cầu phải có biện pháp đảm bảo nếu muốn tiếp tục làm ăn nên bà có nhờ ông X, bà Nh đứng ra bảo lãnh

số nợ. Bà Nh, ông X đồng ý và viết "Giấy thỏa Thận" nội dung xác nhận bà Huỳnh Thị Thanh Nh, ông Huỳnh Văn X có nợ tiền mua gạo của bà Nguyễn Thị E số tiền 239.200.000 đồng và giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K922869 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp cho ông Huỳnh Văn X. Nay bà E khởi kiện, bà đồng ý một mình trả cho bà E số nợ 1.139.200.000 đồng, bà Nh, ông X không có liên quan nên không có trách nhiệm. Về tiền lãi bà không đồng ý trả lãi. Hiện nay bà không có nhà ở phải ở nhà thuê, phải nuôi con đang học cuối cấp nên không có khả năng trả một lần, xin trả dần hàng tháng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh Nh trình bày:

Năm 2016 bà có mua gạo riêng lẻ với bà E, không có làm ăn chung với bà Th như bà E trình bày. Bà và bà Th có ký Hợp đồng nguyên tắc ngày 15 tháng 7 năm 2016 với bà E, bà ký Hợp đồng do bà Th nhờ, bà Th nói bà E yêu cầu phải có hai người ký tên trong hợp đồng mới đồng ý bán gạo số lượng lớn. Việc mua gạo và nhận gạo là giữa bà Th bà bà E, bà không có tham gia. Số nợ 900.000.000 đồng trong Hợp đồng nguyên tắc là nợ riêng của bà Th với bà E không có liên quan đến bà vì trước khi ký Hợp đồng nguyên tắc thì bà và bà Th làm ăn riêng lẽ với nhau. Từ sau thời điểm ký kết hợp đồng nguyên tắc việc mua bán gạo diễn ra giữa bà Evà bà Th bà không có tham gia. Khi thực hiện hợp đồng này bà Th lại tiếp tục nợ thêm số tiền 239.200.000 đồng nên bà Th nhờ vợ chồng bà viết giấy này để bảo lãnh số nợ 239.200.000 đồng của bà Th để bà Th được tiếp tục hợp đồng với bà E. Nay bà E khởi kiện bà và chồng là ông Huỳnh Văn X không đồng ý trả cho bà E số tiền nào cả vì như bà đã trình bày vợ chồng bà không có tham gia việc mua bán gạo.

Bị đơn ông Huỳnh Văn X trình bày:

Ông không có giao dịch mua bán và cũng không ký kết Hợp đồng nguyên tắc với bà E, những phần trình bày khác ông thống nhất với lời trình bày của bà Nh và có cùng yêu cầu với bà Nh không đồng ý với yêu cầu của bà E.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng đã xử:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 281, Điều 305, 428, 431, 432, 438, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E về "tranh chấp Hợp đồng mua bán" đối với bà Phạm Thị Xuân Th, bà Huỳnh Thị Thanh Nh, ông Huỳnh Văn X.

Buộc bà Huỳnh Thị Thanh Nh, bà Phạm Thị Xuân Th, ông Huỳnh Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền 1.139.200.000 (một tỷ một trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng vốn và 93.984.000 (chín mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn) đồng tiền lãi (Trong đó bà Phạm Thị Xuân Th có nghĩa vụ trả 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng tiền vốn và 74.250.000 (bảy mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lãi. Bà Huỳnh Thị Thanh Nh, ông Huỳnh Văn X có nghĩa vụ trả 239.200.000 (hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng tiền vốn và 19.734.000 (mười chín triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn) đồng tiền lãi).

Buộc bà Nguyễn Thị E có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị Thanh Nh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K922869 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp cho ông Huỳnh Văn X ngày 30/9/1997.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm ngày 08 tháng 8 năm 2017 bà Nguyễn Thị E có đơn kháng cáo yêu cầu phúc xử: Bà Nh, bà Th đều có mua bán gạo, có ký hợp đồng nguyên tắc ngày 15/7/2016 xác nhận có nợ chung là 900.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc một mình bà Th phải trả, không buộc bà Nh phải trả của số tiền 900.000.000 đồng là không đúng, yêu cầu xử buộc bà Nh, bà Th cùng phải trả tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Egiữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp chứng cứ gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Trần Thanh Kh trình bày:

Theo hợp đồng nguyên tắc bên B bà Th, bà Nh cùng ký, tại phiên tòa sơ thẩm bà Nhà, bà Th cũng thừa nhận có thiếu nợ bà E900.000.000 đồng tiền mua gạo, tấm. Bà Nh thừa nợ bà E239.200.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm tuyên buộc mình bà Th có trách nhiệm trả cho bà E900.000.000 đồng là không hợp lý. số tiền 239.200.000 đồng vợ chồng bà Nh, ông X thừa nhận nợ và đồng ý trả nên giữ y. Do vậy đề nghị Hội đông xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị E, sửa án sơ thẩm, buộc bà Nh, ông X, bà Th cùng có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị E, giữ y án sơ thẩm bản án số 33/2017/DS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ Th thập được có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị E thấy rằng: Bà Ecó giao dịch bán gạo cho bị đơn là bà Nh, bà Th, đến ngày 15/7/2016 bà E, bà Nh, bà Th ký hợp đồng nguyên tắc nội dung bà E bán gạo, tấm cho bà Th, bà Nh số lượng 10.000 tấn/năm, giá theo thời điểm do hai bên thỏa Thận, bà Th, bà Nh phải thanh toán tiền 100% ngay sau khi nhận hàng. Hợp đồng còn xác nhận bà Nh, bà Th còn nợ bà E tiền nhận hàng trước đó là 900.000.000 đồng, tiền này bà E cho nợ lại với điều kiện mỗi tháng phải trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu không nhận gạo mua theo hợp đồng nguyên tắc thì phải thanh toán số nợ còn lại cho bà E trong vòng 10 ngày, nếu chậm thanh toán thì phải chịu lãi chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng quy định.

Sau khi ký hợp đồng nguyên tắc thì bà Nh, bà Th nhận gạo nhưng không thanh toán tiền đủ 100% theo cam kết còn nợ 239.200.000 đồng, do không thanh toán đủ nợ mới, nợ cũ nên ngày 29/7/2016 bà Nh và ông X chồng bà Nh làm giấy thỏa Thận với nội dung: Vợ chồng xác nhận có mua gạo của bà E, hiện còn nợ 239.200.000 đồng tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông X đứng tên cho bà E, trong thời hạn 6 tháng (tính từ 29/7/2016 đến 29/01/2017) nếu không thanh toán nợ sẽ bàn giao đất cho bà E. Nhưng sau đó các bên không thực hiện gì thêm, ngày 10/9/2016 bà E khởi kiện yêu cầu bà Nh, bà Th và ông X cùng có trách nhiệm trả chung số tiền còn thiếu 1.152.016.000 đồng. Ở cấp sơ thẩm bà Th, bà Nh cho rằng nợ 900.000.000 đồng là của riêng bà Th, bà Nh có nhận gạo

của bà E nhưng mua bán riêng, số lượng ít nên yêu cầu mình bà Th phải trả 900.000.000 đồng.

[2] Xét thấy bà Nh, bà Th có giao dịch mua bán gạo với bà E theo hợp đồng nguyên tắc hai bên đã ký thì bên B là bà Nh, bà Th cũng xác định nợ tiền gạo đã nhận của bà E là 900.000.000 đồng cam kết mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nhưng sau khi ký hợp đồng nguyên tắc bà Nh, bà Th nhận gạo của bà E không thanh toán đủ tiền theo thỏa thuận mà còn nợ tiếp 239.200.000 đồng. Tại biên bản đối chất có mặt bà Nh, bà Th ngày 06/7/2017 bà Th thừa nhận khi mua bán gạo bà Th trực tiếp trả tiền và có nhờ bà Nh chuyển tiền trả dùm cho chị E(BL 135). Nên nợ 900.000.000 đồng và nợ 239.200.000 đồng tiền gạo đã nhận của bà E là nợ chung của bà Nh, bà Th. Cấp sơ thẩm tuyên bà Nh, bà Th cùng liên đới trả nợ cho bà Elà chuẩn xác nhưng lại buộc mình bà Th trả cho bà E900.000.000 đồng vốn và 74.250.000 đồng tiền lãi là chưa hợp lý. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị E, buộc bà Nh, ông X, bà Th cùng có trách nhiệm trả cho bà E 900.000.000 đồng, chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị E.

[3] Đối với số tiền nợ 239.200.000 đồng cũng là nợ chung cần buộc vợ chồng bà Nh và ông X, bà Th mỗi người phải trả cho bà E ½ số tiền nợ. Do bà Nh, ông X có làm giấy đảm bảo nợ nhưng giao dịch này không hợp pháp. Tranh chấp nợ là số tiền lớn nhưng cấp sơ thẩm không đưa chồng bà Th tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên nguyên đơn bà Echỉ yêu cầu bà Th trả nợ nên giữ nguyên nghĩa vụ thanh toán. Do đó cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà E, sửa án sơ thẩm.

Không chấp nhận đề nghị giữ y án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa.

Do kháng cáo của bà E được chấp nhận bà E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm sửa theo quy định.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị E. Sửa án sơ thẩm bản án dân sự số 33/2017/DS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 281, Điều 305, 428, 431, 432, 438, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" đối với bà Phạm Thị Xuân Th, bà Huỳnh Thị Thanh Nh, ông Huỳnh Văn X.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Thanh Nh, bà Phạm Thị Xuân Th, ông Huỳnh Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền 1.139.200.000 (một tỷ một trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng vốn và 93.984.000 (chín mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn) đồng tiền lãi. Trong đó bà Phạm Thị Xuân Th có nghĩa vụ trả 569.600.000 (năm trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền vốn và 46.992.000 (bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng tiền lãi. Bà Huỳnh Thị Thanh Nh, ông Huỳnh Văn X có nghĩa vụ trả 569.600.000 (năm trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền vốn và 46.992.000 (bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng tiền lãi.

Buộc bà Nguyễn Thị E có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị Thanh Nh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K922869 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp cho ông Huỳnh Văn X ngày 30/9/1997.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Thanh Nh, ông Huỳnh Văn X phải chịu 26.784.000 (hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Bà Phạm Thị Xuân Th phải chịu 26.784.000 (hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 23.280.000 (hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0008090 ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng;

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị E không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Nguyễn Thị E 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai Th số 0009105 ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND.HTrB;
- VKSND.TTN;
- Chi cục THADS. HTrB;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Son